

*Bản án số: xx3/2023/HSST
Ngày 14 - 12 - 2023*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUY TIÊN – HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thề, bà Đỗ Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên tham gia phiên tòa:
Ông Đinh H Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 101/2023/HSST ngày 25 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số xx9/2023/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2023 đối với:

- Các bị cáo:

1. *Lê Văn H (tên gọi khác: Không)*, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn M, xã S, huyện K, tỉnh H1 Yên; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn H1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị L; vợ, con: Chưa có; tiền án: Ngày 15/01/2018 Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La xử phạt 06 năm tù về tội "*Cướp giật tài sản*" với tình tiết định khung tăng nặng "*Tái phạm nguy hiểm*" (Ra trại ngày xx/4/2023); tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 12/9/2012 Tòa án nhân dân quận L, thành phố Hà Nội xử phạt 32 tháng tù về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" (Ra trại ngày 12/12/2014); Ngày 21/9/2015 Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh H1 Yên xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*" (Ra trại ngày 22/01/2017); bị bắt tạm giữ ngày 09/8/2023, đến ngày 18/8/2023 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam; có mặt.

2. *Nguyễn Văn Q, sinh năm 2000* (tên gọi khác: Không); nơi cư trú: Thôn M, xã S, huyện K, tỉnh H1 Yên; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Không xác định và bà Nguyễn Thị H; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 09/8/2023, đến ngày 18/8/2023 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam; có mặt.

- Bị hại: Lâm Thị N, sinh năm 1996, nơi cư trú: xóm L, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Chỗ ở hiện nay: Xóm 5, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964; nơi cư trú: Thôn M, xã S, huyện K, tỉnh H1 Yên; có mặt.

+ Anh Nguyễn Thành L1, sinh năm 1988, nơi cư trú: Đội 5, phường A, thành phố H, tỉnh H1 Yên; vắng mặt.

+ Anh Phạm Đức H1, sinh năm 1980; nơi cư trú: xóm 3, thôn C, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; vắng mặt.

+ Anh Phan Văn D, sinh năm 1986, nơi cư trú: Thôn 9, xã Đ, huyện K, tỉnh H1 Yên; vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Khắc H, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 05/8/2023, Lê Văn H điều khiển xe mô tô Yamaha Exciter màu xanh đen, BKS: 89D2-033.xx chở Nguyễn Văn Q (là cháu gọi H bằng cậu ruột) đi từ huyện K, tỉnh Hưng Yên sang Hà Nam chơi. Trước khi đi, Q dùng túi nilon và băng dính dán che biển số xe mô tô do sợ bị phạt nguội. Khi đi trên đường Quốc lộ 1A đến đoạn kênh A48 thuộc Tổ dân phố B, phường H, thị xã D thì H rẽ phải qua cầu, sau đó dừng lại xuống đi vệ sinh. Lúc này, chị Lâm Thị N đi bộ qua cầu bắc qua kênh A48 để rẽ phải ra đường Quốc lộ 1A hướng về Đ, chị N để chiếc điện thoại di động hiệu Vivo Y16 màu đen, bên trong lắp 01 sim Viettel số thuê bao 0967199665 có ốp lưng màu xanh bằng nhựa ở túi quần bỏ phía sau bên trái (trong ốp điện thoại còn có 01 thẻ căn cước công dân, 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank và 01 thẻ ATM ngân hàng Agribank đều mang tên chị N). Phát hiện chị N để điện thoại sơ hở, H và Q nhìn nhau rồi ra hiệu về hướng chị N, H nói "Đội mũ đeo khẩu trang vào". Q hiểu ý H là cả hai sẽ thực hiện việc cướp giật chiếc điện thoại của chị N, sau đó cả hai đeo khẩu trang và đội mũ bảo hiểm để tránh sự phát hiện. H điều khiển xe mô tô chở Q ngồi sau đi theo chị N rồi vượt lên áp sát bên trái để Q dùng tay phải giật chiếc điện thoại di động của chị N, sau khi Q giật được chiếc điện thoại thì H tăng tốc bỏ chạy về hướng cầu vượt Đồng Văn. Chị N đã nhờ anh Nguyễn Khắc H1 sinh năm 1973 trú tại Tổ dân phố B, phường H, thị xã D dùng xe mô tô chở chị N đuổi theo H và Q, tuy nhiên khi đến gần gầm cầu vượt Đ thì mất dấu nên hai người dừng lại. H chở Q về khu vực bệnh viện đa khoa tỉnh Hưng Yên. Tại đây, H mở chiếc điện thoại do Q cướp giật được rồi tháo và đưa thẻ sim, thẻ căn cước công dân, thẻ ATM cho Q, trên đường đi Q đã vứt những đồ vật này đi. Sau đó, H và Q thống nhất đi bán chiếc điện thoại nêu trên, cả hai đến cửa hàng sửa chữa điện thoại số 425, đường L, phường A, thành phố H của anh Phạm Đức H1 sinh năm 1980 trú tại xóm 3, thôn C, phường L, thành phố Hưng Yên) để chạy lại phần mềm hết 150.000đồng. Sau đó, H và Q đến cửa hàng sửa chữa điện thoại tại số 347, đường L, phường A, thành phố H của anh

Phan Văn D bán chiếc điện thoại này cho anh D với số tiền 1.000.000đồng, khi anh D đưa tiền thì H xin thêm 50.000đồng, anh D đồng ý và đưa cho H số tiền 1.050.000đồng. H trả tiền tiêm thuốc tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hưng Yên hết số tiền 950.000đồng, còn lại H đổ xăng cho xe mô tô BKS: 89D2-033.xx và cả hai rủ nhau đi uống nước hết.

Vật chứng thu giữ gồm: Anh Phan Văn D tự nguyện giao nộp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y16 có ốp lưng nhựa màu xanh mà anh đã mua của Lê Văn H và Nguyễn Văn Q. Thu của bà Nguyễn Thị L là mẹ đẻ của Lê Văn H 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại xe Exciter màu xanh đen, BKS 89D2- 033.xx.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê Văn H và Nguyễn Văn Q, Cơ quan CSĐT Công an thị xã Duy Tiên không thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan đến vụ án.

Tại Bản kết luận định giá số 48/KL-HĐ ngày 16/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Duy Tiên kết luận: Điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y16 có giá trị 1.500.000đồng, ốp lưng màu xanh bằng nhựa dẻo có giá trị 10.000đồng, sim Viettel số thuê bao 0967199665 và 01 thẻ căn cước công dân, 02 thẻ ATM ngân hàng mang tên Lâm Thị N có giá trị 0 đồng.

Cáo trạng số 104/CT - VKS - DT ngày 24/10/2023, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên đã truy tố bị cáo Lê Văn H về tội "*Cướp giật tài sản*" quy định tại điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự, truy tố bị cáo Nguyễn Văn Q về tội "*Cướp giật tài sản*" quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đề nghị áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Lê Văn H mức án tù 06 năm 06 tháng tù đến 07 năm tù. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Văn Q mức án tù 04 năm đến 05 năm tù. Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo; ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất về trách nhiệm dân sự, vật chứng của vụ án và tuyên án phí đối với các bị cáo.

Các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, ngoài ra không tranh luận gì. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L có mặt tại phiên tòa không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam và Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam và Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố, cơ quan Điều tra,

Viện kiểm sát đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, HĐXX xác định các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tội danh:* Xét lời khai bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người tham gia tố tụng khác cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 15 giờ ngày 05/8/2023, tại đường Quốc lộ 1A thuộc Tổ dân phố B, phường H, thị xã D, tỉnh Hà Nam, Lê Văn H đã điều khiển xe mô tô Yamaha Exciter BKS: 89D2-033.xx chở Nguyễn Văn Q áp sát chị Lâm Thị N đang đi bộ để Nguyễn Văn Q giật chiếc điện thoại Vivo Y16 bên trong laptop Viettel có số thuê bao 0967199665 trị giá 1.500.000 đồng, bên ngoài có ốp lưng nhựa màu xanh trị giá 10.000 đồng và 01 thẻ căn cước công dân và 02 thẻ ATM ngân hàng của chị N. Tổng trị giá tài sản là 1.510.000 đồng mà chị N đang để ở túi quần bỏ phía sau bên trái, sau đó nhanh chóng tẩu thoát. H và Q đem bán chiếc điện thoại trên cùng ốp lưng với số tiền 1.050.000 đồng và tiêu xài hết, những đồ vật khác không có giá trị sử dụng H và Q đã vứt trên đường đi.

Hành vi điều khiển xe mô tô giật tài sản của người bị hại nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ, ảnh hưởng xấu trật tự trị an tại địa phương, đủ yếu tố cấu thành tội "*Cướp giật tài sản*" quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự. Riêng đối với bị cáo Lê Văn H đã có tiền án về tội về tội "*Cướp giật tài sản*" với tình tiết định khung tăng nặng "*Tái phạm nguy hiểm*" ra trại ngày xx/4/2023 nay lại tiếp tục phạm tội nên hành vi phạm tội của bị cáo H thuộc hợp "*Tái phạm nguy hiểm*" được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 53 BLHS. Do đó, bị cáo Lê Văn H ngoài việc chịu trách nhiệm chung cùng bị cáo Nguyễn Văn Q thì bị cáo Lê Văn H còn phải chịu trách nhiệm thêm tình tiết định khung quy định tại điểm i khoản 2 Điều 171 BLHS. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét về vai trò các bị cáo trong vụ án: Các bị cáo Lê Văn H và Nguyễn Văn Q không bàn bạc trước, chỉ khi thấy chị Lâm Thị N để tài sản sơ hở thì cả hai nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản nên cùng thống nhất và cùng thực hiện hành vi cướp giật tài sản do đó giữ vai trò đồng phạm ngang nhau trong vụ án.

[4] *Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Về nhân thân: Bị cáo Lê Văn H có nhân thân xấu, bị cáo Nguyễn Văn Q có nhân thân tốt.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Lê Văn H có mẹ đẻ là người được tặng Huân chương chiến sỹ vẻ vang nên bị cáo H được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] *Về hình phạt*: Từ nhận định trên, nhận thấy do các bị cáo ham chơi, lười lao động, không chịu tu dưỡng bản thân, coi thường pháp luật vì vậy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung. Xét các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, giá trị tài sản chiếm đoạt không lớn nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo là phù hợp thực tế và khoản 5 Điều 171 Bộ luật hình sự.

[5] *Về các hành vi khác*:

Đối với anh Phạm Đức H1 và anh Phan Văn D là chủ của hai cửa hàng sửa chữa điện thoại, tài liệu điều tra xác định khi anh H1 phá khóa và anh D mua máy điện thoại Vivo Y16 anh H1 và anh D không biết đó là tài sản do Lê Văn H và Nguyễn Văn Q cướp giật mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Duy Tiên không có căn cứ để xử lý đối với anh Phạm Đức H1 và anh Phan Văn D là đúng pháp luật.

[6] *Về trách nhiệm dân sự*:

Quá trình điều tra, xác định 01 điện thoại di động Vivo Y16 bên ngoài có ốp nhựa màu xanh là tài sản hợp pháp của chị Lâm Thị N nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã Duy Tiên đã trả lại cho chị N, chị N đã nhận lại chiếc điện thoại cùng ốp lưng và không có đề nghị Lê Văn H và Nguyễn Văn Q bồi thường cho chị N nên không đặt ra.

Anh Phan Văn D không đề nghị Lê Văn H và Nguyễn Văn Q phải bồi thường về số tiền anh đã mua chiếc điện thoại nêu trên nên không đặt ra xem xét.

[7] *Về vật chứng vụ án*: Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter gắn biển kiểm soát 89D2-033.xx là tài sản hợp pháp của bị cáo Lê Văn H, nay bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[8] *Về án phí hình sự sơ thẩm*: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[9] *Về quyền kháng cáo*: Các bị cáo, đương sự thực hiện quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Về hình sự:

Áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Văn H;

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Q.

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn H, Nguyễn Văn Q phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt:

Lê Văn H 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/8/2023.

Nguyễn Văn Q 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/8/2023.

2. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter gắn biển kiểm soát 89D2-033.xx.

Đặc điểm vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24/10/2023 giữa Công an thị xã Duy Tiên và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duy Tiên ngày 24/10/2023.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo Lê Văn H, Nguyễn Văn Q mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm: Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- CQCSĐT CA thị xã Duy Tiên;
- CQTHAHS Công an thị xã Duy Tiên;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam;
- VKSND thị xã Duy Tiên;
- Chi cục THADS thị xã Duy Tiên;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Nam;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Bị cáo; đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Tươi